TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Nhân

2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Tăng Nguyễn Việt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thảo N, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn R, sinh 1994. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Lâm Gia H, sinh ngày 27/11/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thảo N trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, chị và anh Lâm Văn R quen biết rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 11/02/2022. Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung, chị và anh Lâm Văn R có 01 con chung tên Lâm Gia H sinh ngày 27/11/2018 chị đồng ý giao cho anh R nuôi con sau ly hôn và chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên chị không yêu cầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thảo N cho rằng:

Chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn do từ khi kết hôn sống chung anh R thường xuyên đánh bạc (chơi đá gà), không tìm việc làm để có thu nhập ổn định lo cho vợ, do anh không sửa đổi nên chị không thể tiếp tục sống chung, cách nay khoảng 02 năm chị bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Đ, xã Đ sinh sống và ly thân đến nay, chị không muốn trở về hàn gắn, đoàn tụ. Anh Lâm Văn R và con chung Lâm Gia H vẫn sinh sống cùng cha mẹ anh R tại ấp Đ, xã Đ. Lúc nộp đơn khởi kiện anh R có biết mà không chịu có mặt theo Toà án thông báo, triệu tập nhưng anh có đưa ra yêu cầu đòi nuôi con Lâm Gia H và không đưa ra yêu cầu chị cấp dưỡng cho con. Thực tế con do mẹ anh R chăm sóc, mỗi tháng chị đều gửi tiền cho anh R và mẹ anh R từ 3.000.000đ – 5.000.000đ để nuôi con, hàng ngày chị vẫn giữ mối quan hệ tốt với mẹ anh R và thường xuyên về thăm con, do chị đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, không tiện chăm sóc con nên đồng ý giao con cho anh R nuôi sau ly hôn theo anh R yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung, chị vẫn khai xác nhận không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác khi ly hôn.

Bị đơn anh Lâm Văn R vắng mặt nên không có lời trình bày và yêu cầu.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử, ngày 14/10/2024 Toà án thụ lý vụ án nhưng đến ngày 14/7/2025 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là không đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thảo N và anh Lâm Văn R quen biết và đi đến hôn nhân, năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Vì vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn sống chung thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong công việc và cuộc sống hằng ngày dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Hai người không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mỗi người có cuộc sống riêng, anh Lâm Văn R đã được Toà án thông báo, triệu tập hoà giải và tham gia phiên toà mà vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý chí hàn gắn, đoàn tụ. Nhận thấy chị Nguyễn Thảo N và anh

Lâm Văn R đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thảo N được ly hôn với anh Lâm Văn R.

Con chung là cháu Lâm Gia H sinh ngày 27/11/2018. Theo chị N khai xác nhận hiện cháu Lâm Gia H sinh sống chung anh R, cha mẹ anh R và được họ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, đồng thời anh R cũng có đưa ra yêu cầu đòi nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên chị N đồng ý giao cháu Lâm Gia H cho anh R chăm sóc, nuôi dưỡng theo yêu cầu. Do đó có căn cứ chấp nhận giao cháu Lâm Gia H cho anh R chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn và chị N không cấp dưỡng do anh R không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Từ những phân tích, trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thảo N. Cho chị N được ly hôn với anh Lâm Văn R.

Con chung: Giao cháu Lâm Gia H sinh ngày 27/11/2018 cho anh Lâm Văn R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh R không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Kiến nghị khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Nguyễn Thảo N khởi kiện anh Lâm Văn R có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly hôn, không yêu cầu nuôi con chung. Nhận thấy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Toà án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Toà án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án, cũng như xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thảo N là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lâm Văn R là vắng mặt không lý do. Nhận thấy, anh Lâm Văn R đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai mà vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, chị Nguyễn Thảo N và anh Lâm Văn R kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 09/2024, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 25/01/2024 (bút lục 04) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Chị Nguyễn Thảo N cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, mà anh Lâm Văn R vắng mặt, Toà án có động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục chị Nguyễn Thảo N hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành, chị kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, không yêu cầu nuôi con chung mà đồng ý giao cháu Lâm Gia H cho anh Lâm Văn R tiếp tục nuôi sau ly hôn. Đối với anh Lâm Văn R không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình trong vụ án, tại thời điểm xét xử hai người không còn sống chung và chị Nguyễn Thảo N không yêu cầu đoàn tụ, điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho chị Nguyễn Thảo N và anh Lâm Văn R ly hôn.

[5] Đối với cháu Lâm Gia H sinh ngày 27/11/2018, qua giấy khai sinh (bút lục 05) thể hiện cháu chưa đủ 07 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã có giải thích cho chị Nguyễn Thảo N quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tại các điều 82, 83, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với anh Lâm Văn R vắng mặt và không có văn bản đưa ra yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung và xác minh tại địa phương (bút lục 25, 26) thời điểm xét xử vụ án, cháu Lâm Gia H do anh Lâm Văn R cùng với mẹ của anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện đáp ứng các nhu cầu thiết yếu như: vui chơi, học tập và không ai đưa ra yêu cầu chị Nguyễn Thảo N cấp dưỡng cho con sau ly hôn nên có cơ sở giao cháu Lâm Gia H cho anh Lâm Văn R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Đồng thời sau ly hôn người trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thảo N khai xác nhận không có, đồng thời anh Lâm Văn R không có văn bản phản đối hoặc đưa ra yêu cầu tranh chấp gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên cho rằng, vụ án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhận thấy, phát biểu của Kiểm sát viên là đúng nên Thẩm phán cần nghiêm túc rút nghiệm và khắc phục triệt để. Đối với phát biểu

đề nghị việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thảo N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thảo N ly hôn với anh Lâm Văn R.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao con chung cháu Lâm Gia H sinh ngày 27/11/2018 cho anh Lâm Văn R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết (sau khi ly hôn người trực tiếp nuôi con được quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự khai xác nhận không có, không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thảo N chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0014310 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Anh Lâm Văn R không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A;
- THADS Khu vực A;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Hồng Nga